

HƯỚNG DẪN

**Tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản
quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Thực hiện Nghị quyết số 2092/NQ-UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ ngày 22/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 21/04/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Công văn số 5554/UBND-NC ngày 23/04/2026 về việc triển khai thực hiện Công văn số 06/HD-BCĐ ngày 22/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; để triển khai thống nhất, hiệu quả nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp hướng dẫn một số nội dung thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI TỔNG RÀ SOÁT

Đối tượng, phạm vi tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh là toàn bộ các văn bản QPPL do các cơ quan, người có thẩm quyền ở địa phương ban hành còn hiệu lực và các văn bản QPPL đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực thuộc trách nhiệm rà soát của các cơ quan, đơn vị, địa phương tính đến hết ngày 31/10/2026, bao gồm:

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định, chỉ thị của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú Yên (trước đây); nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh, quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (mới);
2. Nghị quyết của HĐND cấp huyện, Quyết định của UBND cấp huyện.
3. Nghị quyết của HĐND cấp xã, Quyết định của UBND cấp xã.

Lưu ý:

(1) Văn bản QPPL hết hiệu lực một phần, văn bản QPPL bị tạm ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần cũng thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát.

(2) Văn bản QPPL được ban hành chỉ có nội dung bãi bỏ văn bản khác được tổng hợp, thống kê trong Danh mục văn bản QPPL thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát, tuy nhiên các cơ quan không phải thực hiện rà soát nội dung của văn bản.

(3) Đối với các văn bản QPPL được ban hành theo chế độ mật: Các cơ quan chủ động thực hiện việc rà soát các văn bản QPPL thuộc trách nhiệm (theo Mục II Hướng dẫn này), bảo đảm thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (*Lưu ý: Các cơ quan chỉ báo cáo số liệu liên quan đến văn bản mật được rà soát theo hướng dẫn, không gửi kèm danh mục chi tiết các nội dung của văn bản khi gửi báo cáo*).

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN TỔNG RÀ SOÁT

1. Các sở, ban, ngành ở tỉnh

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh có nội dung thuộc lĩnh vực quản lý được giao (bao gồm văn bản của tỉnh Đắk Lắk (cũ), tỉnh Phú Yên (trước đây) và tỉnh Đắk Lắk (mới))

Ví dụ: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk Quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

b) Các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản QPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát văn bản QPPL.

Ví dụ: Ban Quản lý các khu công nghiệp chủ trì rà soát Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

c) Sở Tư pháp có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan thực hiện rà soát văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

d) Các sở, ban, ngành tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có trách nhiệm thực hiện rà soát văn bản QPPL liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được tiếp nhận.

Ví dụ:

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm rà soát văn bản QPPL do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường trước đây chủ trì xây dựng.

+ Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát văn bản QPPL do Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải trước đây chủ trì xây dựng trước khi sắp xếp

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) UBND cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo các phòng chuyên môn hoặc tổ chức hành chính khác trực thuộc chủ trì, phối hợp với các Ban của HĐND cấp xã và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã có nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của phòng, tổ chức mình; rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện (*ban hành trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp*) còn hiệu lực trên địa bàn xã.

b) Văn phòng HĐND, UBND cấp xã có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các phòng thực hiện rà soát văn bản QPPL của HĐND cấp xã, UBND cấp xã.

c) UBND cấp xã tập hợp đầy đủ văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành còn hiệu lực trên địa bàn quản lý.

d) Đối với các xã được hình thành do sắp xếp theo Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025, UBND cấp xã mới có trách nhiệm rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các xã trước đó ban hành.

Ví dụ: UBND phường Tân An (sau sắp xếp) có trách nhiệm rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND phường Tân An (cũ), xã Ea Tu và xã Hòa Thuận ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

3. Một số lưu ý về trách nhiệm rà soát của các cơ quan

a) Đối với văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản: Các cơ quan có trách nhiệm đồng thời thực hiện rà soát các nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, phụ trách của cơ quan mình và tổng hợp kết quả rà soát theo văn bản được sửa đổi, bổ sung (văn bản gốc). Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản không tổng hợp kết quả rà soát đối với nội dung điều chỉnh vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan khác.

b) Đối với văn bản QPPL được ban hành điều chỉnh nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý, phụ trách của các cơ quan khác nhau thì cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL chủ trì tổng hợp kết quả rà soát văn bản do các cơ quan có liên quan thực hiện (không bao gồm trường hợp thuộc điểm a khoản này).

Ví dụ: Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk quy định đối tượng và mức chi thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ hằng năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk do Sở Nội vụ chủ trì

soạn thảo, liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nội vụ và Sở Tài chính. Theo đó, Sở Nội vụ và Sở Tài chính đều có trách nhiệm thực hiện rà soát nghị quyết này. Sở Nội vụ sẽ tổng hợp kết quả rà soát Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND do Sở Nội vụ và Sở Tài chính thực hiện.

- Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL khác với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung văn bản đó thì cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung (văn bản gốc) có trách nhiệm chủ trì tổng hợp kết quả rà soát văn bản (không bao gồm trường hợp tại điểm a, điểm b).

Ví dụ: Quyết định A do Sở Tài chính chủ trì soạn thảo; Quyết định B sửa đổi, bổ sung Quyết định A do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì soạn thảo. Theo đó, Sở Tài chính sẽ chủ trì tổng hợp kết quả rà soát của Quyết định A và Quyết định B.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, VĂN BẢN TỔ CHỨC THỰC HIỆN TỔNG RÀ SOÁT

1. UBND cấp xã ban hành Kế hoạch thực hiện tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn; các sở, ban, ngành tùy vào tình hình thực tế, có thể ban hành Kế hoạch hoặc văn bản để chỉ đạo, tổ chức thực hiện tổng rà soát văn bản QPPL tại cơ quan, đơn vị.

2. Kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện tổng rà soát phải đảm bảo rõ nội dung, trách nhiệm thực hiện (chủ trì, phối hợp); rõ thời gian, tiến độ, sản phẩm hoàn thành công việc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN TỔNG RÀ SOÁT

1. Tổng hợp văn bản QPPL thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát

Căn cứ vào đối tượng, phạm vi tổng rà soát (Mục I Hướng dẫn này) và trách nhiệm thực hiện rà soát của các cơ quan (Mục II Hướng dẫn này), các cơ quan, đơn vị, địa phương cần xác định đầy đủ, chính xác các văn bản thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát của cơ quan mình; lập Danh mục theo Mẫu 03-T, Mẫu 03-X, Mẫu 08 kèm theo Hướng dẫn này.

Trong quá trình thực hiện rà soát, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần thường xuyên cập nhật tình trạng hiệu lực của văn bản QPPL và văn bản QPPL mới được ban hành đến hết ngày 31/10/2026.

2. Tổng hợp các kết quả rà soát văn bản QPPL đã thực hiện

Để bảo đảm tính kế thừa các kết quả rà soát văn bản QPPL đã thực hiện trong

thời gian qua, các cơ quan tổng hợp kết quả rà soát văn bản QPPL do cơ quan mình thực hiện và đang thực hiện việc xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới) để tiếp tục nghiên cứu, đánh giá như:

- Kết quả rà soát, xử lý văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Kết quả rà soát, hoàn thiện pháp luật thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

- Báo cáo đánh giá tính khả thi đối với nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương.

- Kết quả rà soát, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” do quy định pháp luật (thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị).

- Kết quả rà soát, hoàn thiện pháp luật liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị).

- Kết quả rà soát, hoàn thiện pháp luật để thực hiện các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị.

- Kết quả rà soát, xử lý văn bản sau khi Chính phủ ban hành các Nghị quyết để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật theo cơ chế đặc biệt quy định tại Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

- Kết quả rà soát văn bản chịu tác động của tổ chức chính quyền 02 cấp.

- Các kết quả rà soát, xử lý văn bản thường xuyên và theo các chuyên đề, lĩnh vực khác.

3. Xác định căn cứ rà soát

3.1. Xác định văn bản pháp luật là căn cứ rà soát

Để phát hiện các quy định pháp luật không bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất (bao gồm cả mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu đồng bộ) giữa các quy định pháp luật; không tương thích với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đối với mỗi văn bản QPPL được rà soát, các cơ quan cần xác định đầy đủ các văn bản là căn cứ rà soát, bao gồm:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Văn bản là căn cứ để xác định văn bản trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 6¹ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

- Văn bản là căn cứ rà soát theo quy định tại khoản 1 Điều 37² và Điều 39 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

- Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên liên quan đến nội dung quy định của văn bản được rà soát.

3.2. Xác định văn bản, tài liệu làm định hướng, đánh giá văn bản QPPL

Để có cơ sở, định hướng cho việc rà soát, đánh giá văn bản QPPL, ngoài các căn cứ rà soát là các văn bản tại điểm 3.1 nêu trên, các cơ quan cần xác định, tổng hợp các văn bản, tài liệu thể hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; kết quả điều tra, khảo sát, tổng kết và thông tin thực tiễn liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản QPPL được rà soát, cụ thể như:

- Điều lệ, cương lĩnh, nghị quyết, thông tri, chỉ thị, tài liệu chính thức khác của Đảng (đặc biệt là: Nghị quyết, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị (về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; hội nhập quốc tế; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; phát triển kinh tế tư nhân; phát triển kinh tế nhà nước; bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; phát triển

¹ Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP quy định: “1. Căn cứ pháp lý để xác định văn bản trái pháp luật là văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được kiểm tra;

b) Đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra hoặc chưa có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra nhưng đã được thông qua hoặc ký ban hành và sẽ có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản được kiểm tra”.

² Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP quy định:

“1. Văn bản là căn cứ để rà soát là văn bản được ban hành sau, có quy định liên quan đến văn bản được rà soát, bao gồm:

a) **Văn bản quy phạm pháp luật** có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được rà soát; văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát

b) **Văn bản hành chính** của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp thay đổi về thẩm quyền do việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hoặc trường hợp không còn đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) **Điều ước quốc tế** mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có thời điểm có hiệu lực sau thời điểm ban hành văn bản được rà soát”

giáo dục và đào tạo; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới); Kết luận của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam; các nghị quyết, quy định, kết luận, quy chế của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư... về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp và liên quan đến phạm vi, nội dung quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương).

- Kết quả điều tra, khảo sát; thông tin kinh tế - xã hội; số liệu và báo cáo thống kê; thông tin, số liệu thực tiễn, tài liệu khác liên quan đến văn bản được rà soát do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

- Các đánh giá tình hình, kết quả, tổng kết thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ được ban hành theo Nghị quyết số 206/2025/QH15 về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

- Các đánh giá tình hình, kết quả, tổng kết thực hiện các nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

- Các đánh giá tình hình, kết quả, tổng kết thực hiện các Luật, văn bản QPPL khác.

- Các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản QPPL.

- Kết quả rà soát, tổng rà soát của cơ quan Trung ương là cơ sở, định hướng cho việc tổng rà soát của các cơ quan ở địa phương.

4. Tiêu chí, cách thức thực hiện rà soát:

Việc rà soát văn bản QPPL được thực hiện theo 06 tiêu chí cơ bản, cụ thể như sau:

- Tiêu chí 1: Sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng;
- Tiêu chí 2: Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật;
- Tiêu chí 3: Tính tương thích với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- Tiêu chí 4: Yêu cầu về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện hành nghề, đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính bất hợp lý, tạo gánh nặng chi phí tuân thủ;
- Tiêu chí 5: Phát hiện quy định pháp luật không rõ ràng, có nhiều cách hiểu

khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật;

- Tiêu chí 6: Phát hiện các lĩnh vực, nội dung, quan hệ xã hội chưa có quy định pháp luật điều chỉnh.

(Chi tiết về cách thức đánh giá từng tiêu chí thực hiện theo khoản 4 Mục V Hướng dẫn số 06/HD-BCĐ ngày 22/4/2026 của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật).

5. Xác định lộ trình xử lý văn bản QPPL

Việc xác định lộ trình xử lý văn bản QPPL cần lưu ý ưu tiên xử lý một số vấn đề sau:

- Các lĩnh vực, nội dung quan trọng, cốt lõi của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cần thể chế hóa ngay trong năm 2026 - 2027.

- Các quy định pháp luật tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (như các văn bản quy định về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan...).

- Các quy định pháp luật về đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN vào năm 2028;

- Các quy định thể chế hoá cơ chế, chính sách đặc thù tại địa phương được thực tiễn chứng minh là đúng, có hiệu quả để áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

6. Tổ chức trao đổi, lấy ý kiến đối với kết quả rà soát

Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL, các cơ quan có trách nhiệm:

- Chủ động tổ chức trao đổi, lấy ý kiến chuyên sâu về kết quả rà soát văn bản QPPL do cơ quan mình thực hiện để bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, cập nhật của kết quả tổng rà soát.

- Tổ chức lấy ý kiến phản ánh, kiến nghị của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, nhất là người dân, doanh nghiệp và các chủ thể có trách nhiệm thi hành pháp

luật về các mâu thuẫn, chồng chéo, khó khăn, vướng mắc, bất cập của hệ thống văn bản QPPL (Trong trường hợp cần thiết) để đánh giá đúng, thực chất về thực trạng của hệ thống văn bản QPPL do cơ quan phụ trách; bảo đảm phát hiện và xử lý đúng vướng mắc; thực hiện tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đầy đủ, rõ ràng, tránh hình thức, có cơ sở pháp lý cũng như cơ sở thực tiễn.

- Trường hợp các cơ quan kiến nghị xử lý các văn bản QPPL thuộc trách nhiệm rà soát của cơ quan khác thì gửi kiến nghị đó đến cơ quan có trách nhiệm rà soát. Cơ quan có trách nhiệm rà soát cần nghiên cứu, đánh giá các kiến nghị để có giải pháp xử lý phù hợp.

V. BÁO CÁO KẾT QUẢ TỔNG RÀ SOÁT

1. Về cách thức xây dựng Báo cáo

- Các cơ quan thực hiện xây dựng Báo cáo và tổng hợp kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL đồng thời trên Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát văn bản QPPL.

- Các cơ quan xây dựng Báo cáo và các Phụ lục Danh mục tổng hợp kết quả rà soát theo hình thức trực tuyến hoặc theo Mẫu (định dạng file excel) tải xuống từ Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát VBQPPL, tại địa chỉ <https://kiemtrarasoat.moj.gov.vn>; sau đó, trích xuất kết quả rà soát (bao gồm Báo cáo và các Phụ lục theo định dạng file word) từ Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, thực hiện chỉnh lý thể thức để gửi về Sở Tư pháp (qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành).

(Cách thức xây dựng Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL và các Phụ lục Danh mục trên Phần mềm hỗ trợ kiểm tra, rà soát văn bản QPPL được thực hiện theo Hướng dẫn của Bộ Tư pháp gửi kèm theo Hướng dẫn này).

2. Về thành phần và biểu mẫu xây dựng Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL và Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL

2.1. Đối với các sở, ban, ngành

a) Về Báo cáo

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL: Mẫu 01-T

- Báo cáo chính thức kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL: Mẫu 02-T

b) Về các Phụ lục kèm theo Báo cáo

- Phụ lục I. Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát (Mẫu 03-T)

- Phụ lục II. Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cần sửa đổi, bổ sung; thay thế; tạm ngưng, bãi bỏ một phần (Mẫu 04-T)

- Phụ lục III. Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cần ban hành mới (Mẫu 05-T)

- Phụ lục IV. Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cần bãi bỏ toàn bộ (Mẫu 06-T)

Phụ lục V. Danh mục văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ (Mẫu 07-T)

2.2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Về Báo cáo

- Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL: Mẫu 01-X.

- Báo cáo chính thức kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL: Mẫu 02-X.

b) Về các Phụ lục kèm theo Báo cáo:

- Phụ lục I. Danh mục văn bản QPPL của HĐND cấp xã, UBND cấp xã thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát (Mẫu 03-X).

- Phụ lục II. Danh mục văn bản QPPL của HĐND cấp xã, UBND cấp xã cần sửa đổi, bổ sung; thay thế; tạm ngưng, bãi bỏ một phần (Mẫu 04-X).

- Phụ lục III. Danh mục văn bản QPPL của HĐND cấp xã, UBND cấp xã cần ban hành mới (Mẫu 05-X).

- Phụ lục IV. Danh mục văn bản QPPL của HĐND cấp xã, UBND cấp xã cần bãi bỏ toàn bộ (Mẫu 06-X).

- Phụ lục V. Danh mục văn bản QPPL của HĐND cấp xã, UBND cấp xã cần tạm ngưng hiệu lực toàn bộ (Mẫu 07-X).

- Phụ lục VI. Danh mục tổng hợp văn bản QPPL của HĐND cấp huyện, UBND cấp huyện còn hiệu lực (Mẫu 08-X).

3. Thời hạn gửi báo cáo

a) Đối với Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL (số liệu cập nhật đến hết ngày 30/6/2026):

- Các sở/ngành, UBND cấp xã gửi báo cáo về Sở Tư pháp trước ngày **30/6/2026**

- Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu báo cáo của UBND tỉnh trình UBND tỉnh chậm nhất ngày **05/7/2026**.

b) Đối với Báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL (Báo cáo chính thức) (số liệu cập nhật đến hết ngày 31/10/2026)

- Các sở, ngành, UBND cấp xã gửi báo cáo về Sở Tư pháp trước ngày **25/10/2026**.

- Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu báo cáo của UBND tỉnh trình UBND tỉnh chậm nhất ngày **06/11/2026**.

VI. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trong quá trình thực hiện, đề nghị các cơ quan phối hợp chặt chẽ với đầu mối triển khai nhiệm vụ tại Cơ quan thường trực Tổ công tác - Sở Tư pháp (Phòng Nghiệp vụ 2 - điện thoại: 0986191426) để nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng ./.

Nơi nhận:

- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, NV2.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tuấn Quang